

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 39/2025/DS-ST

Ngày:

Ngày: 22-5-2025

V/v: “Tranh chấp
hợp đồng cầm cố”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bính

2. Bà Lê Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S Có Ngay

Trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T (Giấy ủy quyền số 170/2024/UQ-SVN, ngày 09 tháng 12 năm 2024)

Địa chỉ liên hệ: G T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 21/12/2020, bà Nguyễn Thị T1 cầm cố tài sản tại Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) theo Hợp đồng cầm cố số PNM201201026NA19X ngày 21/12/2020 và phụ lục kèm theo ngày 21/12/2020. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Janus 125cc, biển số xe 86C1-862.59, số khung RLCSEC820JY101479, số máy E3Y8E101485 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy do Công an tỉnh B cấp đứng tên Nguyễn Thị T1. Tài sản cầm cố đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ, số đăng ký giao dịch: 1398004965.

Nội dung Hợp đồng cầm cố:

- Số tiền cầm cố: 13.000.000 đồng;
- Thời hạn cầm cố: 12 tháng
- Mục đích: tiêu dùng cá nhân và kinh doanh;
- Ngày giải ngân: 21/12/2020
- Lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng ;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do nhu cầu đi lại, bà Nguyễn Thị T1 có đơn gửi Công ty mượn lại xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung Giấy mượn xe trong thời gian từ ngày 21/12/2020 đến 21/01/2021. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản căn cứ theo nội dung phụ lục Hợp đồng cầm cố.

Công ty đã giải ngân cho bà T1 số tiền 13.000.000 đồng. Bà T1 đã thanh toán cho Công ty số tiền 8.984.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.537.589 đồng, tiền lãi trong hạn 3.312.937 đồng, tiền lãi quá hạn 133.474 đồng, sau đó từ ngày 22/6/2021 bà T1 không trả thêm khoản nào nữa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền lãi quá hạn. Bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện cho Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ gốc 7.462.411 đồng, tiền lãi trong hạn là 299.211 đồng, tổng cộng 7.761.622 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy Hợp đồng cầm cố ngày 21/12/2020 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 309, Điều 310, Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 13.000.000 đồng.

Từ ngày 22/6/2021, bà Nguyễn Thị T1 không thanh toán nợ cho Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 4 Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 21/12/2020 và phụ lục kèm theo ngày 21/12/2020. Do đó việc Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ gốc 7.462.411 đồng, tiền lãi trong hạn là 299.211 đồng, tổng cộng 7.761.622 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 309, Điều 310, Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay

Buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc 7.462.411 đồng (bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm mười một đồng, tiền lãi trong hạn 299.211 đồng (hai trăm chín mươi chín ngàn hai trăm mười một ngàn), tổng cộng 7.761.622 đồng (bảy triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 388.081 đồng (ba trăm tám mươi tám ngàn không trăm tám mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 318.000 đồng (ba trăm mười tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002639 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP . Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên